

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN YÊN  
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 06-08-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Vũ Mạnh Hùng
- Bà Hà Thị Minh Quế

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Tiến Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa:**  
Ông Lộc Hồng Điệp - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 08 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 03-5-2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02-7-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/07/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nùng Thị B**, sinh năm 1995. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.**

2. *Bị đơn:* Anh **Hoàng Văn H**, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **Thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-5-2024, bản tự khai, nguyên đơn chị **Nùng Thị B** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Hoàng Văn H** được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 31/8/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại **thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **H** nghiện chất ma túy không tu chí làm ăn, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Do

khuyến bảo anh H không có kết quả nên tháng 5 năm 2021 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thị trấn T, tỉnh Lai Châu sinh sống. Sau khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở thì anh H cũng bị đưa đi cai nghiện tại trung tâm cai nghiện. Đến ngày 24/02/2024 anh H trở về địa phương nhưng vẫn không thay đổi bản thân.

Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Hoàng Thu H1 sinh ngày 04/7/2016. Hiện đang do chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Hoàng Văn H nhưng anh H không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 04 tháng 06 năm 2024 (bút lục số 23) ông Đinh Văn T, trưởng thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái cho biết: Anh H, chị B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi đăng ký kết hôn thì về sinh sống tại thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Khoảng năm 2020 thì chị B đi làm ăn, ít khi có mặt tại địa phương. Năm 2023 thì chị B đón cháu Hoàng Thu H1 đi và không quay lại địa phương nữa. Năm 2022 anh Hoàng Văn H có quyết định của Tòa án đưa đi cai nghiện tập trung, năm 2024 trở về địa phương, nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Hiện chị Nùng Thị B và anh Hoàng Văn H vẫn có hộ khẩu tại thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Do anh H không có mặt theo thông báo của Tòa án, nên trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh H đồng thời nguyên đơn chị Nùng Thị B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nùng Thị B; Xử cho chị Nùng Thị B được ly hôn anh Hoàng Văn H, giao con là Hoàng Thu H1 sinh ngày 04/7/2016 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị **B** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh **Hoàng Văn H** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái**. Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị **Nùng Thị B** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh **Hoàng Văn H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **Nùng Thị B** và anh **Hoàng Văn H** được tự do tìm hiểu kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 31/8/2015 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Theo chị **B** trình bày: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh **H** nghiện chất ma túy, không tu chí làm ăn, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Tháng 5 năm 2021 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Năm 2022 anh **H** có quyết định đưa đi cai nghiện tập trung đến năm 2024 thì trở về nhà nhưng vẫn không thay đổi bản thân. Chị **Nùng Thị B** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải, đồng thời Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã thông báo nhiều lần nhưng anh **H** không đến Tòa, không có bản khai, như vậy anh **H** đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị **B** và anh **H** thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho chị **B** được ly hôn anh **H** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh, chị 01 con chung là **Hoàng Thu H1** sinh ngày 04/7/2016. Hiện đang do chị **B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị **B** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu **H1**, cần giao con là **Hoàng Thu H1** cho chị **B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Xét thấy anh **H** vắng mặt tại Tòa án, chị **B** cũng không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị **Nùng Thị B** không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do anh **H** chưa có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản chung và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Chị **Nùng Thị B** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nùng Thị B** được ly hôn anh **Hoàng Văn H**.

2. Về con chung: Giao con là **Hoàng Thu H1** sinh ngày 04/7/2016 cho chị **Nùng Thị B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh **Hoàng Văn H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Nùng Thị B** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2024/0000004 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái ngày 03-5-2024 (xác nhận chị **B** đã nộp đủ).

4. Quyền kháng cáo: Chị **Nùng Thị B** và anh **Hoàng Văn H** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã Đông Công, huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**(đã ký)**

**Mai Thị Thu Hương**